SOLVING JOBS FOR RURAL YOUTH IN LAI CHAU PROVINCE - SITUATION AND SOLUTIONS

Bui Thanh Binh[a]
Nguyen Van Ve[b]

Vietnam Women's Academy
Email: [a]*buibinhhcp@gmail.com;* [b]*venv@hvpnvn.edu.vn*
Received: 29/8/2023; Reviewed: 04/9/2023; Revised: 08/9/2023; Accepted: 12/9/2023; Released: 30/9/2023
DOI: https://doi.org/10.54163/ncdt/208

Resolution No. 25-NQ/TW, dated July 25th, 2008, the Seventh Conference of the Central Committee (X term) "On strengthening the leadership of the Party in youth affair in the period of promoting industrialization and modernization" has clearly indicated the task: "Improving the quality of young workers, creating jobs" along with the guidelines and policies of the Party and the State, Lai Chau has implemented many policies to create jobs for rural youth and achieved some remarkable achievements. In the period of 2011-2020, Lai Chau has created 67,000,000 jobs, an average of 6,700 new jobs per year, in which sending workers abroad reached 0.029%, The rate of new job creation between men and women is relatively balanced. However, creating jobs for workers is still a challenge for Lai Chau, the labor market in the province has not been developed yet, there are no industrial parks, export processing zones, manufacturing enterprises... therefore, local jobs have not been created, workers are mainly looking for jobs outside the province. These factors have significantly affected the results of implementation and deployment of the province's job creation policy. From the current situation of job creation for rural youth, the article uses the method of analyzing documents from reports and related articles on the same topic and using statistical results of the Department of Labor, Invalids and Social Affairs of Lai Chau province with the goal of assessing the current situation of job creation and offering some solutions to create jobs for rural youth in Lai Chau province today.

Keywords: *Job creation policy; Rural youth; Situation and solutions; Lai Chau province.*

1. Đặt vấn đề

Lai Châu là tỉnh miền núi có 07 huyện và 01 thành phố với dân số trên 47.000.000 người, gồm 20 dân tộc cùng sinh sống. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 299.223 người, chiếm 62,73% dân số. Tỷ lệ lao động tham gia hoạt động kinh tế chiếm khoảng 92,9% tổng số người trong độ tuổi lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 53,48% vào cuối năm 2021; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị chiếm 2,7%. Trong quá trình xây dựng và phát triển, Lai Châu có nhiều thay đổi về kết cấu hạ tầng, văn hóa - xã hội của tỉnh được quan tâm đầu tư, đời sống nhân dân được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người tăng từ 18,2 triệu đồng (năm 2015) lên 43 triệu đồng (năm 2021). Tuy vậy, Lai Châu vẫn là tỉnh còn nhiều khó khăn, địa bàn rộng, địa hình phức tạp, dân cư sống không tập trung, trình độ dân trí không đồng đều; xuất phát điểm kinh tế - xã hội thấp: tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2021 là 32,22%; trên 80% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số. Một bộ phận không nhỏ người lao động chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí của giáo dục nghề nghiệp, nên chưa chủ động tham gia học nghề; một bộ phận người lao động chưa có ý thức vươn lên thoát nghèo, ngại xa gia đình. Thêm vào đó, thị trường lao động nội tỉnh chưa phát triển, người lao động vẫn chủ yếu tìm việc làm ở ngoại tỉnh. Những yếu tố trên đã tác động không nhỏ đến hiệu quả triển khai, thực hiện chính sách giải quyết việc làm trên địa bàn.

2. Tổng quan nghiên cứu

Những năm qua, vấn đề giải quyết việc làm cho thanh niên nông thôn luôn là đề tài được nhiều tác giả, nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, trong đó có một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như:

Đặng Nguyên Anh (2010), "Vấn đề lao độngviệc làm và phát triển nguồn nhân lực ở nông thôn hiện nay", Tạp chí Lao động Xã hội; Bùi Thanh Bình (2023), "Chính sách đào tạo nghề cho thanh niên nông thôn tại tỉnh Lai Châu: Thực trạng và Giải pháp", Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội; Nguyễn Văn Hội (2000), "Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và phát triển ngành nghề ở nông thôn", Tạp chí Lao động Xã hội; Lê Doãn Khải (1999), "Phát triển dạy nghề cho thanh niên nông thôn nhằm công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn", Tạp chí Lao động Xã hội; Trần Văn Luận (2005), "Sử dụng nguồn lao động ở nông thôn hiện nay", Tạp chí Kinh tế Dự báo; Triệu Thị Trinh (2013), "Vấn đề lao động - việc làm của thanh niên nông thôn hiện nay - Thực trạng và

giải pháp", http://www.molisa.gov.vn/Pages/tintuc/chitiet.aspx?tintucID=21016;... Những công trình nghiên cứu trên là tư liệu có giá trị, giúp tác giả kế thừa, hoàn thiện, làm rõ nội dung nghiên cứu này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng một số phương pháp cơ bản như: Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp; Phương pháp tổng hợp, phân tích, đánh giá để từ đó làm rõ vấn đề giải quyết việc làm cho thanh niên nông thôn tại tỉnh Lai Châu và có những giải pháp hiệu quả hơn trong thời gian tới.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng về dân số trong độ tuổi lao động và cơ cấu nguồn nhân lực

Về dân số trong độ tuổi lao động

Năm 2011 có 224.439 người đã tăng lên 289.091 người vào năm 2020, tăng khoảng 65.000 người tham gia lực lượng lao động. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động tăng từ 57% năm 2011 lên 61,53% năm 2020. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh trong giai đoạn 2011-2015 là 2,89%, giai đoạn 2016 -2020 giảm xuống còn 1,71 và cả thời kỳ 2011-2020 là 0,71. Tỷ lệ này khá thấp so với cả nước (0,84) và vùng Trung du miền núi phía Bắc (0,87).

Tốc độ tăng của lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế của tỉnh giai đoạn 2011-2015 là 1,93%; giai đoạn 2016-2020 giảm còn 1,42%. Nếu tính cả thời kỳ 2011-2020, tốc độ tăng trưởng là 1,97%, trong khi tỉ lệ tăng trưởng của cả nước là 1,02%, và vùng Trung du miền núi phía Bắc là 0,8%.

Bảng 1. Dân số và tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động 2011-2020

	2011	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Dân số trong độ tuổi LĐ (người)	224.439	258.869	265.554	272.212	277.024	283.522	289.091
Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động (%)	57.00	60.50	60.86	61.24	61.10	61.28	61.53
Lao động từ 15 tuổi trở lên LV trong nền kinh tế (người)	231.580	254.867	262.196	267.114	271.556	278.156	281.413

Nguồn. Cục Thống kê Lai Châu

Tỷ lệ lao động tính theo khu vực thời kỳ 2011-2020

Số lượng lao động ở khu vực thành thị có chiều hướng gia tăng mạnh trong 10 năm, năm 2011 có 32.149 người thì đến năm 2020 tăng lên 55.645, tăng thêm 23.496 người chiếm tỉ lệ 73%. Lao động nam và nữ ở thành thị tăng tương đối đồng đều. Tuy nhiên, vấn đề đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động thành thị sẽ là áp lực cho quy hoạch của từng ngành để thích ứng với sự phát triển chung của Lai Châu.

Bảng 2. Lao động thành thị thời kỳ 2011-2020 (*Người*)

	2011	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Lao động thành thị	32.149	42.648	47.268	50.500	51.529	53.691	55.645
Nam	16.068	21.315	23.625	25.240	25.754	26.835	27.811
Nữ	16.081	21.333	23.643	25.260	25.775	26.856	27.834

Nguồn. Cục Thống kê Lai Châu

Lao động nông thôn đã tăng từ 192.209 người năm 2011 lên 233.446 người năm 2020, tăng 41.237 người (khoảng 21,5%), tăng đều cả nam và nữ. Lai Châu là tỉnh có tỷ lệ dân cư nông thôn lớn, chủ yếu tham gia sản xuất nông nghiệp, trong khi diện tích đất nông nghiệp không nhiều, áp lực tạo việc làm cho lao động nông thôn sẽ không nhỏ trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ đang diễn ra nhanh.

Bảng 3. Lao động nông thôn thời kỳ 2011-2020 (*Người*)

	2011	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Lao động nông thôn	192.209	216.221	218.286	221.712	225.495	229.831	233.446
Nam	98.770	111.109	112.171	113.931	115.875	118.103	119.961
Nữ	93.439	105.112	106.115	107.781	109.620	111.728	113.485

Nguồn. Cục Thống kê Lai Châu

Cơ cấu lao động ở nhóm tuổi dưới 30 đã tăng từ 98.080 người năm 2011 lên 126.333 người năm 2020, tăng thêm 28.253 người chiếm khoảng 28,8%, nhóm tuổi từ 30-50 tăng tương ứng từ 102.120 người lên 131.536 người, nhóm tuổi từ 51- 60 tăng từ 24.239 người lên 31.222 người.

Trong giai đoạn từ năm 2011-2020, cơ cấu lao động theo nhóm tuổi luôn giữ ở mức ổn định, và có thể coi đây là giai đoạn cơ cấu dân số vàng của tỉnh khi tỷ lệ lao động trẻ dưới 30 tuổi, lao động từ 30-50 tuổi chiếm đa số, và tỷ lệ lao động cao tuổi dưới 10% đây được coi là lợi thế và cơ hội lớn mà Lai Châu có thể tận dụng để tập trung phát triển chất lượng nguồn nhân lực.

Bảng 4. Cơ cấu lao động theo nhóm tuổi thời kỳ 2011-2020 (*Người*)

Độ tuổi lao động	2011	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Lao động dưới 30 tuổi	98.080	113.126	116.047	118.957	121.059	123.899	126.333
Lao động từ 30-50 tuổi	102.120	117.785	120.827	123.856	126.046	129.003	131.536
Lao động từ 51-60 tuổi	24.239	27.958	28.680	29.399	29.919	30.620	31.222

Nguồn. Sở Lao động, Thương binh & Xã hội tỉnh Lai Châu

Cơ cấu lao động theo ngành nghề cho thấy, giai đoạn từ năm 2011-2020 mặc dù đã có dự chuyển dịch cơ cấu lao động theo xu hướng tăng dần tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng lao động trong khu vực nông nghiệp tuy nhiên lao động trong nông nghiệp vẫn chiếm đa số với gần ¾ tổng số lao động. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động trong các ngành vẫn còn chậm. Phần lớn lao động đang làm việc chủ yếu ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản cho thấy năng suất lao động thấp, trình độ chuyên môn kỹ thuật hạn chế, chưa hình thành tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật chưa cao nên gặp nhiều khó khăn trong công tác đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp để phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

4.2. Thực trạng giải quyết việc làm

** Số việc làm được tạo mới*

Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020, Lai Châu đã giải quyết nhu cầu việc làm cho trên 67.000 lao động của địa phương làm việc trong tỉnh và làm việc tại các địa phương khác, bình quân mỗi năm đạt 6.700 lao động có việc làm mới. Đặc biệt, trong đó tổ chức đưa được 961 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Tốc độ tăng trưởng việc làm đạt 0,029% trong cả giai đoạn 10 năm.

Cơ cấu giới tính giữa nam và nữ trong việc giải quyết việc làm cho lao động có tỷ lệ khá cân bằng. Năm 2020, số lao động nữ được tạo việc làm chiếm khoảng 49,5% tổng số lao động được giải quyết việc làm trong toàn tỉnh. Tỷ lệ tăng trưởng việc làm của lao động nữ trong 10 năm, từ 2011-2020 là 0,036%.

Bảng 5. Việc làm của lao động ở tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011-2020 *(Người)*

Chỉ tiêu	Giai đoạn 2011-2015					Giai đoạn 2016-2020					Tốc độ tăng (%)		
	2011	*2012*	*2013*	*2014*	*2015*	*2016*	*2017*	*2018*	*2019*	*2020*	*2011-2015*	*2016-2020*	*2011-2020*
Số lao động được tạo việc làm	5.500	6.000	6.719	6.730	6.751	6.845	6.907	7.025	7.366	7.380	0.042	0.015	0.029
Trong đó: Số lao động nữ được tạo việc làm	2.570	2.930	3.225	3250	3.436	3.471	3.456	3.573	3.605	3.654	0.048	0.010	0.036

Nguồn. Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Lai Châu, 2020

Theo số liệu thống kê giai đoạn từ năm 2011-2015 mỗi năm tạo ra 6.304 việc làm, trong khi giai đoạn 2016-2020 là 7.103 việc làm. So với mục tiêu đề ra tại Quyết định số 240/QĐ-TTg các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch.

Bảng 6. Số lao động được giải quyết việc làm hàng năm so với mục tiêu đề ra

Chỉ tiêu	TH 2010	Mục tiêu theo QH (QĐ 240/QĐ-TTg)		TH 2011-2015	2011	2020	GĐ 2016-2020	2011-2020	So sánh thực hiện với mục tiêu QH (%)	
		2011-2015	*2016-2020*						*2011-2015*	*2016-2020*
Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	5.000	6.000	7.000	6.304	5.500	7.380	7.103	6.722	105,06	101,48

Quy mô nền kinh tế Lai Châu còn nhỏ, số lượng các doanh nghiệp trên địa bàn không nhiều, nhưng các doanh nghiệp vẫn thu hút lực lượng lao động cho thanh niên nông thôn khá lớn, xong tỷ lệ thu hút lao động giữa các năm vẫn không ổn định. Cụ thể, giai đoạn từ năm 2011-2019 không ổn định, tăng giảm khác nhau, đến năm 2019, số lao động tại các doanh nghiệp là 11.265 người; giảm hơn 3.000 lao động so với năm 2011, trong đó tập trung chủ yếu là lao động tại khu vực ngoài Nhà nước và tham gia vào ba lĩnh vực chính, theo thứ tự từ cao đến thấp là công nghiệp - xây dựng (51,48%); dịch vụ bán buôn bán lẻ (12,37%) và nông nghiệp - lâm nghiệp và thủy sản (10,99%).

Bảng 7. Tổng số lao động làm trong các doanh nghiệp phân theo loại hình (*Người*)

	2011	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng số LĐ	14.594	16.005	13.707	13.041	10.958	11.265
DN Nhà nước	2.585	3.482	2.646	2.124	2.142	2.152
Trung ương	2.722	2.947	1.795	1.653	1.599	1.605
Địa phương	1.037	535	851	489	543	547
DN ngoài Nhà nước	11.953	12.491	11.030	10.889	8.790	9.075
DN có vốn ĐTNN	56	32	31	28	26	38
DN liên doanh với nước ngoài	56	32	31	28	26	38

Nguồn. Niêm giám thống kê tỉnh Lai Châu các năm 2011, 2015, 2019

Thu nhập của người lao động trong các loại hình doanh nghiệp cũng có sự thay đổi đáng kể theo từng thời kỳ. Giai đoạn từ 2011-2015, tổng thu nhập của người lao động của doanh nghiệp tăng từ 600.72 tỷ đồng từ năm 2011 đến 954.36 tỷ đồng ở năm 2015, tức là tăng bình quân là 70.7 tỷ đồng mỗi năm; đến giai đoạn 2015-2019, tổng thu nhập của người lao động có xu hướng giảm, từ 954.36 tỷ đồng giảm xuống còn 773.11 năm 2018, đến 2019 mức thu nhập này tăng nhẹ lên 830.52.

Theo đánh giá chung, thu nhập của người lao động có xu hướng tăng, cụ thể tổng thu nhập của người lao động tại các loại hình doanh nghiệp tăng từ 600.72 tỷ đồng năm 2011 lên 830.52 tỷ đồng, tức là tăng 229.8 tỷ đồng. Trong đó, tổng thu nhập của người lao động tại các doanh nghiệp ngoài Nhà nước chiếm tỷ lệ lớn với mức 84.26% năm 2011 và ở mức 81,25% năm 2019 (giảm 3,1 điểm % so với năm 2011); tiếp đến là lao động ở các doanh nghiệp thuộc khu vực Nhà nước, chiếm tỷ lệ năm 2011 là 15,44%, năm 2019 là 29,63% (tăng 14,19 điểm % so với năm 2011); cuối cùng là nhóm lao động thuộc khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, năm 2011, tổng thu nhập của nhóm lao động này chiếm 0,30% trong tổng thu nhập của các doanh nghiệp tại tỉnh, đến năm 2019, mức thu nhập này chỉ còn khoảng 25,5% tổng thu nhập của các doanh nghiệp tại tỉnh.

** Tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm*

Trung bình Lai Châu giải quyết việc làm mới cho 6.700 người lao đông mỗi năm, xong tỉ lệ thất nghiệp 2,7-2,8% ở thành thị, và tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn ở mức 9 - 10% vẫn còn tồn tại. Nếu so sánh tỉ lệ thất nghiệp trung bình của cả nước của lao động trong độ tuổi khu vực thành thị giai đoạn 2011-2019 là trên 3%; đặc biệt trong năm 2020 là 4,46% thì tỉ lệ thất nghiệp của Lai Châu vẫn duy trì ở mức độ thấp, mỗi năm nền kinh tế tỉnh Lai Châu có thể tạo ra hơn 6,7 nghìn việc làm cho thấy số lượng việc làm được tạo ra đáp ứng khá đủ so với nhu cầu việc làm của lao động trong độ tuổi ở địa phương.

Bảng 8. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm phân theo khu vực

	2011	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị (%)	2,80	2,80	2,70	2,70	2,70	2,70	2,70
Trong đó: Tỷ lệ nữ thất nghiệp ở khu vực thành thị (%)	*1,70*	*1,70*	*1,70*	*1,70*	*1,70*	*1,70*	*1,70*
Tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn %	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	9,0	9,0
Trong đó: Tỷ lệ nữ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn %	*10,0*	*10,0*	*10,0*	*10,0*	*10,0*	*9,0*	*9,0*
Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	42	102	105	106	105	114	80
Trong đó: Số lao động xuất khẩu trong năm	*42*	*102*	*105*	*106*	*105*	*114*	*80*

Nguồn. Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Lai Châu, 2020

Cơ cấu giới tính, tỷ lệ thất nghiệp của nữ ở khu vực thành thị cao hơn nông thôn, mặc dù vậy, hầu hết lao động nữ ở nông thôn lại rơi vào tình trạng thiếu việc làm. Điều này cho thấy, nhu cầu làm việc của lao động nữ khá cao, nhưng chưa được đáp ứng, nguyên nhân có thể được lý giải do các lao động nữ có trình độ chuyên môn, học vấn thấp.

4.3. Đánh giá những ưu điểm và nguyên nhân tồn tại trong công tác giải quyết việc làm

Lai Châu có vị trí, điều kiện đặc thù, có nhiều chính sách ưu tiên, ưu đại về đầu tư, phát triển kinh tế, đào tạo nhân lực và phát triển việc làm. Các chính sách đào tạo nghề, đặc biệt là các chính sách đào tạo cho người lao động nông thôn, miền núi, cho lao động người dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn,... đã tạo nhiều cơ hội cho người lao động tự tạo dựng việc làm, phát triển nghề mới, nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống.

Các chính sách đào tạo nghề, đặc biệt là các chính sách đào tạo cho người lao động nông thôn, miền núi, cho lao động người dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn,... đã tạo nhiều cơ hội cho người lao động tự tạo dựng việc làm, phát triển nghề mới, nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống. Số lượng việc làm được tạo ra trong giai đoạn 2011-2020 khá đều và vượt mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Tuy có một số kết quả thành công trong công tác giải quyết việc làm, tỉnh Lai Châu vẫn gặp một số khó khăn nhất định. Vị trí địa lý của Lai Châu là một tỉnh miền núi, địa hình hiểm trở và bị chia cắt, khí hậu khắc nghiệt, kết cấu giao thông còn yếu kém… gây khó khăn đối với nguồn nhân lực khi muốn tiếp cận khoa học kỹ thuật. Tỷ lệ hộ nghèo cao, kinh tế phát triển chậm, việc làm tạo ra hàng năm thấp hơn so với nhu cầu tìm kiếm việc làm của người lao động nên việc thu hút nguồn nhân lực để phát triển kinh tế địa phương còn hạn chế.

5. Thảo luận

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, để giải quyết hiệu quả vấn đề việc làm cho thanh niên nông thôn nói chung, trong đó có việc làm cho thanh niên nông thôn tại tỉnh Lai Châu nói riêng, chúng ta cần quan tâm đến một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thâm canh, tăng vụ, đa dạng hóa sản phẩm. Phát triển các ngành nghề kinh tế có lợi thế tại địa phương.

Thứ hai, thực hiện tốt chủ trương tạo nhiều việc làm đa dạng và phù hợp với trình độ, đặc thù của lao động tại chỗ; phát huy tối đa nhân tố con người trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo, từng bước phát triển công nghiệp hoá hiện đại hoá nền kinh tế địa phương. Cần tiếp tục nghiên cứu và tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển thị trường lao động, các chính sách về việc làm, dạy nghề; có các chính sách khuyến khích đầu tư tạo việc làm và tự tạo việc làm; các chính sách hỗ trợ, bảo vệ người lao động trong trường hợp mất việc làm, tìm việc làm để ổn định cuộc sống.

Thứ ba, đẩy mạnh việc triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội; đặc biệt là các chương tr/dự án trọng điểm về xóa đói, giảm nghèo, đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm cho các nhóm lao động đặc thù tại địa phương, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo ra nhiều việc làm.

Thứ tư, thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động chưa qua đào tạo để họ có nhiều cơ hội tham gia thị trường lao động, nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động.

Thứ năm, đẩy mạnh hoạt động cho vay vốn giải quyết việc làm, vay vốn giảm nghèo để hỗ trợ cho lao động có hoàn cảnh khó khăn, lao động vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn có khả năng tự tạo việ làm thông qua các hoạt động sản xuất nhỏ, hoạt động dịch vụ ở khu vực phi kết cấu. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn phát triển sản xuất, tạo công ăn việc làm cho lao động nghèo, ưu tiên lao động vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Thứ sáu, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động thông tin thị trường lao động tại các trung tâm giới thiệu việc làm nhằm giải quyết tốt hơn mối quan hệ về cung - cầu lao động; đồng thời, thường xuyên thông tin tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người lao động về vấn đề lao động - việc làm.

6. Kết luận

Qua thực trạng công tác giải quyết việc làm cho thanh niên nông thôn trên địa bàn tỉnh Lai Châu, bài viết cho thấy, các chính sách giải quyết việc làm cho thanh niên nông thôn hiện nay được quan tâm và xây dựng khá tốt. Điểm tốt thể hiện ở chỗ, các chính sách định hướng đúng vào nhu cầu của thanh niên nông thôn, bằng cách tạo việc làm trong nhiều lĩnh vực ngành nghề và tăng thu nhập cho người lao động. Bên cạnh đó, công tác giải quyết việc làm cho thanh niên nông thôn tại tỉnh Lai Châu vẫn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế: (1) Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, chưa đa dạng các loại hình doanh nghiệp để thu hút lao động; (2) Nguồn nhân lực thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng; (3) Chính sách phối hợp, liên kết đào tạo nghề, giới thiệu việc làm sau đào tạo nghề giữa các địa phương, với các doanh nghiệp chưa mạnh. Dẫn đến các bất cập người lao động không tìm được việc làm phù hợp,... Chính vì vậy, để khắc phục những hạn chế trên, cần tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV Đảng bộ tỉnh. Đồng thời, tăng cường hơn nữa sự phối hợp

chặt chẽ giữa các cơ quan, ban, ngành chức năng của tỉnh với cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp và các doanh nghiệp, tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu đã đề ra, góp phần giúp Lai Châu phát triển kinh tế - xã hội bền vững trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

Anh, Đ. N. (2010). Vấn đề lao động việc làm và phát triển nguồn nhân lực ở nông thôn hiện nay. *Tạp chí Lao động Xã hội*, *số 4*.

Bình, B. T. (2023). Chính sách đào tạo nghề cho thanh niên nông thôn tại tỉnh Lai Châu: Thực trạng và Giải pháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, tr.161-169.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2008). *Văn kiện Hội nghị lần thứu bảy Ban chấp hành Trung ương khóa X*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu. (2011). *Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011-2020*. Nghị quyết số 18/2011/NQ-HĐND ngày 16/7/2011.

Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu. (2016). *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020*. Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 14/10/2016.

Hội, N. V. (2000). Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và phát triển ngành nghề ở nông thôn. *Tạp chí Lao động Xã hội*, *số 8*.

Khải, L. D. (1999). Phát triển dạy nghề cho thanh niên nông thôn nhằm công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. *Tạp chí Lao động Xã hội*, *số 3*.

Luận, T. V. (2005). Sử dụng nguồn lao động ở nông thôn hiện nay. *Tạp chí Kinh tế Dự báo*, *số 3*.

Sơn, Đ. (2021, 8/9). Lai Châu giải quyết việc làm cho người lao động trong "mùa dịch Covid-19". Trang Thông tin điện tử Tỉnh ủy Lai Châu.

Tổng cục Thống kê. (2013). *Báo cáo kết quả điều tra lao động - việc làm năm 2012*.

Trinh, T. T. (2013). Vấn đề lao động - việc làm của thanh niên nông thôn hiện nay - Thực trạng và giải pháp. *Http://www.molisa.gov.vn/*.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. (2022a). *Báo cáo sơ kết thi hành chính sách, pháp luật về giáo dục nghề nghiệp*.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. (2022b). *Báo cáo thực trạng và phương án phát triển nguồn nhân lực; Đào tạo nghề và giải pháp việc làm cho lao động trên địa bàn tỉnh Lai Châu*.

GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO THANH NIÊN NÔNG THÔN TẠI TỈNH LAI CHÂU - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Bùi Thanh Bình[a], Nguyễn Văn Vệ[b]

Học viện Phụ nữ Việt Nam

Email: [a]*buibinhhcp@gmail.com;* [b]*venv@hvpnvn.edu.vn*

Nhận bài: 29/8/2023; Phản biện: 04/9/2023; Tác giả sửa: 08/9/2023; Duyệt đăng: 12/9/2023; Phát hành: 30/9/2023

DOI: https://doi.org/10.54163/ncdt/208

Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 25/7/2008, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) "Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa" đã chỉ rõ nhiệm vụ: "Nâng cao chất lượng lao động trẻ, giải quyết việc làm" cùng với chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, Lai Châu đã triển khai nhiều chính sách tạo việc làm cho thanh niên nông thôn và đạt một số thành tựu đáng ghi nhận. Trong giai đoạn từ năm 2011-2020, Lai Châu đã giải quyết cho 67.000.000 việc làm, bình quân mỗi năm đạt 6.700 việc làm mới trong đó đưa người lao động ra nước ngoài đạt 0,029%, tỷ lệ tạo việc làm mới giữa nam và nữ có tương đối tỷ lệ cân bằng. Tuy nhiên, giải quyết việc làm cho người lao động vẫn là một thách thức với Lai Châu, thị trường lao động nội tỉnh chưa phát triển, chưa có các khu công nghiệp, khu chế xuất, doanh nghiệp sản xuất... nên chưa tạo được việc làm tại chỗ, người lao động chủ yếu tìm việc ở ngoài tỉnh. Các yếu tố này đã ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả triển khai, thực hiện chính sách tạo việc làm của tỉnh. Từ thực trạng giải quyết việc làm cho thanh niên nông thôn hiện nay, bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu từ các báo cáo, các bài viết liên quan cùng chủ đề và sử dụng kết quả thống kê của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Lai Châu với mục tiêu đánh giá thực trạng công tác giải quyết việc làm và đưa ra một số giải pháp tạo việc làm cho thanh niên nông thôn tại tỉnh Lai Châu hiện nay.

Từ khóa: *Chính sách tạo việc làm; Thanh niên nông thôn; Thực trạng và giải pháp; Tỉnh Lai Châu.*